

LUẬT QUỐC TẾ: ĐEM ĐẠI NGHĨA THẮNG HUNG TÀN, BẢO VỆ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Tạ Văn Tài, Ph.D., luật sư, Nguyên giảng viên Đại học Luật Harvard, Hoa Kỳ.

Bài góp cho Hội Thảo Biển Đông tại Đại Học Huế 2019, BOXITVN có đăng lại.

Lưu ý : Ở DƯỚI CÓ LỜI BÀN THÊM VỀ ĐÁ REEF VÀ C SHELF CỦA TVT VÀ CÁC BẠN KHÁC

Vào thời đại xa xưa, mà Đại Việt còn là tiểu quốc đơn độc tại Đông Nam Á trước đại cường phía Bắc, sức mạnh quân sự thiên hẳn về cường quốc phương Bắc, nhưng tinh thần dân tộc kiên cường đã đã chiến thắng bọn xâm lược : vua quan và nhân dân Nhà Trần đã đại thắng, đẩy lui nhiều cuộc tấn công của quân Nguyên, và Lê Thái Tổ và các sĩ phu giỏi như Nguyễn Trãi và cùng quân sĩ đã trường kỳ kháng chiến chống quân Minh, kết thúc bằng tuyên ngôn độc lập vang dạy Bình Ngô Đại Cáo, “ĐEM ĐẠI NGHĨA ĐỂ THẮNG HUNG TÀN, LẤY CHÍ NHÂN MÀ THAY CƯỜNG BẠO”. VIỆT NAM CẦN SỬ DỤNG TỐI ĐA CHÍNH NGHĨA LUẬT QUỐC TẾ ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN VỀ BIỂN ĐẢO TẠI BIỂN ĐÔNG, Y NHƯ TUYÊN NGÔN BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO: Áp dụng gương sáng và bài học lịch sử đó cho sự bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay chống tham vọng Đại Hán của Trung quốc-- tức là nếu vận dụng sức mạnh chính nghĩa của luật pháp

quốc tế và do đó, sẽ có thêm sự ủng hộ ngoại giao của thế giới, thì Việt Nam ngày nay, đang có nhiều cường quốc bạn trong nền ngoại giao đa phương và Việt Nam cũng từng là nước hội viên và chủ tịch Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, lại được tuyệt đại đa số nhân dân trong nước và hải ngoại ủng hộ việc cương nghị với Đại hán để bảo vệ chủ quyền Biển Đảo--thì chắc Việt Nam không thể bị thua thiệt, bị Trung quốc lấn át được, cho dù Trang quốc, những năm gần đây, cứ thỉnh thoảng lại có hành vi hung hãn như đâm vỡ ngư thuyền của dân chài Việt Nam, bắt giam họ mà đòi tiền chuộc, đem hạm đội tàu cá và hải giám của họ ào ạt vào Biển Đông, đem giàn khoan vào thềm lục địa Việt Nam

Lãnh đạo cao cấp có thể dùng ngôn ngữ ngoại giao, lịch sự để cố duy trì hòa bình hữu nghị, nhưng phải để cho các nhân viên ngoại giao cấp dưới và cố vấn luật pháp dùng những lý luận cương nghị nhất trong cuộc đấu tranh pháp

luật, mà trên diễn đàn quốc tế bây giờ thường gọi là lawfare , như là khí giới quan trọng ngang hàng với chuẩn bị warfare/ chiến tranh, nếu cần. Vì nếu có căn bản pháp luật vững chắc cho lập trường của mình, thì một quốc gia mới có thể tìm được các sự ủng hộ về mặt chính trị-ngoại giao của các nước bạn, tức là có nhiều sức mạnh mềm (soft power) để củng cố vị thế của mình, trước khi phải bắt đầu dồn sức mạnh quân sự trong việc tự vệ đơn phương hay tập thể (defensive warfare, collective defense), theo đúng Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, đúng theo nguyên tắc exhaustion of peaceful remedies (Tận dụng các biện pháp hòa bình)

Xin đề nghị một chương trình hành động để Việt Nam bảo vệ chủ quyền đất đai hay là lãnh thổ (sovereignty on territories) của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa, sau khi có biến cố quan trọng là Phán quyết ngày 12 tháng 7, năm 2016 của Tòa Án Trọng Tài Luật Biển trong vụ Phi Luật Tân kiện Trung quốc, tuy bản án phần lớn là đưa ra các kết luận về vùng biển (maritime areas), hơn là về điểm nước nào làm chủ vùng đất đai nào (sovereignty over territories, tức đảo, đá).

Trong những năm trước khi có bản án ngày 12 tháng 7, 2016 của Tòa Án Trọng Tài Luật Biển trong vụ Phi kiện Trung Quốc, thì chúng tôi đã có những nỗ lực giúp cho

quyền và lợi ích của Việt Nam trong những bài viết và phát biểu cho các hội thảo quốc tế về Biển Đông tại Việt Nam , ở Quảng Ngãi 2013, ở Đà Nẵng 2014 (dịp Trung Quốc đem giàn khoan vô vùng biển Việt Nam), ở Nha Trang 2016, ở Harvard University nhiều lần, ở University of California, Berkeley 2014 và ở Yale University (hội thảo này, ngày 6 tháng năm, 2016) , và chúng tôi cũng có các dịp trả lời cho phỏng vấn tại Vô tuyến Truyền hình Viet Nam VTV4 hay Báo Quân Đội Nhân Dân hay Saigon Kinh Tế Thời Báo trong các dịp các hội thảo trên, hay trả lời phỏng vấn trên Radio Free Asia, Radio France Internationale, Voice of America. Ngoài ra, có hai lần hội thảo quốc tế về phân định biên giới vùng biển và kỹ thuật khoan dầu biển khơi tại Houston, năm 2010 và 2012, trong đó chúng tôi không đóng góp bài tham luận, nhưng có đứng lên chất vấn đại diện Sở Đại Dương Trung Quốc và Công Ty China National Offshore Oil Corporation về những phát biểu sai pháp luật quốc tế của họ.

Trong các dịp dự các hội thảo quốc tế hay trả lời phỏng vấn trên, chúng tôi đã cố gắng trình bày chi tiết, ít hay nhiều tùy dịp, là Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam tại phần lớn hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (không phải là trên tất cả các đá, bãi ngầm) và các

quyền chủ quyền (sovereign rights, về tài nguyên) đi liền với các vùng biển chung quanh chúng, mà luật quốc tế dành cho Việt Nam, thì được xây trên các căn bản chắc chắn của các chứng cứ sự kiện lịch sử và các nguyên tắc của quốc tế công pháp truyền thống và của luật quốc tế mới trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển (United Nations Convention on the Law of the Sea, UNCLOS).

Ngòai các lời biện hộ cho Việt Nam dựa trên căn bản các sự kiện lịch sử và các luận cứ pháp luật, chúng tôi có nhắc đến một sự kiện được một luật sư lãnh đạo đoàn luật sư của Phi Luật Tân tại Toà Luật Biển là ông Francis Jardeleza, trong hai lần ông đến Harvard thuyết trình, có nói lại với tôi là chính phủ Phi Luật Tân, năm 2014, có rủ Việt Nam, và Malaysia nữa, cùng nộp đơn kiện Trung Quốc, sau khi Phi đã nghị kỹ về giải pháp thương nghị để giảm thiểu sự lấn lướt trong 17 năm của Trung Quốc, mà Phi cố gắng mãi không xong, nhưng Việt Nam rút cục chỉ nộp một bài ý kiến dự sự để yêu cầu Tòa để ý đến quyền lợi của Việt Nam. Rút cục thì Phi Luật Tân đã thắng vẻ vang tại Toà Luật Biển năm 2016 mà Việt Nam thì hụt mất một cơ hội để có một bản án về quyền lợi của mình trong đó mình đã tham gia với tư cách nguyên đơn. Còn nếu chỉ có một văn thư xin Tòa để ý

cho mình, thì Việt Nam không có một bản án thắng Trung Quốc mà từ đó trở đi có thể dán lên ngực đại diện Trung quốc mỗi khi phải đương đầu với họ, với luật pháp quốc tế do tòa phán quyết, như một khí giới đại nghĩa thắng được sự hung tàn. Luận cứ luật pháp là sức mạnh của kẻ yếu về quân sự, cần vận dụng tối đa, ngòai sự vận dụng ngoại giao và ủng hộ của các cường quốc mạnh về quân sự. Chính cái thành ngữ tiếng Việt “đinh đóng cột” mà tôi đã nói trên radio trong câu “quyền lợi trong Vùng Đặc Quyền Kinh Tế và Thềm Lục Địa của các nước cận duyên như Việt Nam đã được luật quốc tế minh định chắc chắn như 'đinh đóng cột'”, đã được một ông Trung quốc trong Đài Á Châu Tự Do nhắc lại và nói là nghe tôi nói trong đài Á Châu Tự Do và muốn hỏi lại tôi điều này, điều kia về quan điểm về quyền lợi Việt Nam. Vì những trải nghiệm trên, chúng tôi càng có xác tín là cần phải xây dựng trên cái đà chiến thắng của luật pháp quốc tế, tượng trưng bởi Bản án 2016 của Toà Trọng Tài trong vụ Phi kiện Trung quốc, mà suy ra Việt Nam có thể dựa trên bản án đó mà củng cố thêm quyền lợi và thế đứng chính nghĩa của mình ra sao. Không thể có chỗ ở đây để nhắc lại tất cả các chi tiết về các luận cứ pháp lý, về chủ quyền đất đai (sovereignty over land features) và quyền chủ quyền trong các

vùng biển (sovereign rights in the maritime zones , EEZ và Continental Shelf), mà chúng tôi đã đưa ra trong các bài tham luận đóng góp cho các Hội thảo Quốc tế suốt từ 2010 cho đến 2017. Ví dụ ở thời điểm 2018-2019 này, chỉ xin đề nghị là chỉ xây dựng luận cứ pháp lý cho Việt Nam dựa trên biển cố trọng đại gần đây mà thôi, tức là Bản Án Tòa Trọng Tài 2016 trong vụ kiện Phi chống Trung Quốc..

Xin suy ra các hệ luận từ bản án đó trong vụ Phi kiện Trung Quốc cho vấn đề chủ quyền đất đai của Việt Nam .

Đây là làm một việc mà đạo đức nghề nghiệp luật sư (code of professional ethics) khuyến khích như một sứ mạng : kéo dài luật pháp (extension of the law) để nhân đến mức tối đa lợi ích của người hay quốc gia mình biện hộ . Ngay cả nước ưa dọa dùng võ lực và cũng đã dùng võ lực là Trung Quốc cũng phải đồng ý, dù là đồng ý miễn cưỡng, với các nước Đông Nam Á là nên biến các quy tắc ứng xử nhiệm ý ở Biển Đông (Declaration of Conduct) thành một Bộ luật Ứng xử (Code of Conduct), với giá trị cưỡng hành để có chính nghĩa của luật pháp có hiệu lực bó buộc.

Bản án Trọng tài về việc Phi kiện Trung Quốc ngày 12 tháng 7, 2016 của Tòa Án Trọng Tài Thường Trực (Permanent Court of Arbitration) là một bản án tuyên

phán về ý nghĩa luật pháp và không có hiệu lực cưỡng hành về mặt buộc một quốc gia phải hành động gì đó, nhưng bản án không kháng cáo được mà là chung quyết và bó buộc các phe đương tụng về mặt thẩm quyền xét xử (compulsory jurisdiction) --dù Trung Quốc lờ Tòa án đi, mà chỉ làm một bài viết bên ngoài Tòa án, không xuất hiện mà nạp Tòa . Nó là một chiến thắng vẻ vang của Phi, mà các quốc gia có tình trạng tương tự như Phi được hưởng lợi về sự giải thích luật của bản án, và là một sự thất bại ê chề của Trung Quốc trong tham vọng quá đáng xác nhận bờ chủ quyền trên một khoảng đại dương quá lớn trong Biển Nam Hải (South China Sea), gọi là Vùng Đường 9 đoạn hay Đường Lưỡi Bò. Khi Tòa bàn về các vấn đề dưới ánh sáng của Công Ước Luật Biển (United Nations Convention on the Law of the Sea –UNCLOS) năm 1982, Bản án của Tòa không xét đến các lời yêu sách, xác nhận chủ quyền về đất đai (territorial sovereignty) về đá (rocks) và đảo (islands) có trong Hoàng Sa và Trường Sa, vì chuyện chủ quyền đất đai thuộc lãnh vực của Luật Quốc Tế Truyền Thống hay Tập Tục (Traditional or Customary International Law) đã có từ 4 thế kỷ. Nhưng Bản án có ảnh hưởng gián tiếp tới việc định nghĩa đặc tính của các mỏm đất (land features) đó.

Vì thế, sau đây sẽ xin trình bày ảnh hưởng của Bản Án đối với quyền lợi của Việt Nam trong Biển Nam Hải, về các mỏm đất trong Hoàng Sa và Trường Sa

I. TÓM LƯỢC NỘI DUNG BẢN ÁN TRỌNG TÀI, MÀ PHẦN LỚN NÓI VỀ VÙNG BIỂN.

Bản Án ban cho Phi một chiến thắng pháp lý rõ rệt, dựa trên các quy tắc luật về vùng biển (maritime zones) trong UNCLOS: Trung Quốc không thể dùng Đường Chữ U (Lưỡi Bò) mà đòi chủ quyền lịch sử trên 80% diện tích Nam Hải, phải từ bỏ sự quấy phá như đã làm, mà phải tôn trọng quyền chủ quyền (sovereign rights) chuyên độc của Phi Luật Tân về tài nguyên cá, dầu khí, khoáng sản trong Vùng Đặc Quyền Kinh Tế (Exclusive Economic Zone) và Thềm Lục Địa (Continental Shelf) của Phi, và không được làm hại tới mức vô phương cứu chữa, như đã làm, gây ra cho sự toàn vẹn của môi sinh đại dương. Các điểm thắng lợi pháp lý này của Phi cũng có lợi cho các quốc gia cận duyên khác, như Việt Nam, mà họ không phải nộp đơn trong một vụ kiện mới nào, ví giải thích của Tòa là áp dụng cho mọi quốc gia trong UNCLOS.

Chúng tôi đã viết bài nhận định về Bản án Tòa Trọng Tài cho Hội Thảo tại Nha Trang vào ngày 17 tháng 8, 2016, hội thảo năm 2016

này là nỗ lực của Việt Nam tiếp tục đẩy tiến thêm các kết quả của các hội thảo tại Quảng Ngãi năm 2013 và Đà Nẵng năm 2014.

Vì thế trước hết, xin ghi lại vài đoạn của các tham luận cho hai hội thảo trước 2013 và 2014, để cùng thấy rõ là may thay, các kết luận hay quan điểm đưa ra trong các bài tham luận 2013 và 2014 đó, đã được tuyên nhận trong Bản Án Trọng Tài năm 2016 về vụ Phi kiện Trung Quốc:

'China cannot show any international law basis for this ridiculous claim [on maritimes zones in the U-Line] and has been self-contradictory at international conferences when providing various vague rationales for this claim: "historical circumference" or "adjacent waters". But such sweeping and unfounded claims are clearly in violation of the other Southeast Asian coastal states' claims on their own territorial seas of 12 miles, their exclusive economic zones and their continental shelves of 200 miles width measuring from the base line. In these maritime zones, the coastal states are protected in the exercise of their exclusive sovereign rights under the 1982 UN Convention on the Law of the Sea (UNCLOS), articles 56, 57, 76, and 77. These sovereign rights over natural resources are exclusive to the coastal states, which they can enjoy without

being required to proclaim a claim to them, and they may construct artificial structures on rocks, whether submerged or not, into artificial islands, and carry out sea research, regulate protection of environment, provided that they respect the rights of other states to freedom of navigation or to laying of oil pipelines or cables. Other states than the coastal states cannot exploit natural resources in the EEZ and Continental Shelf of the coastal states without their explicit consent. UNCLOS has reserved these exclusive rights to coastal states as firmly as 'nail hit into a wooden pole' (as we say in the Vietnamese proverb: “chắc như đinh đóng cột”). The U-shaped line, which claims vast ocean areas for China, is unsupported by UNCLOS (article 89 says “No State may validly purport to subject any part of the high sea to its sovereignty”). “ Trung Quốc không đưa ra được căn bản luật quốc tế nào cho sự nhận vơ này [về Đường 9 đoạn chữ U], mà còn mơ hồ hay mâu thuẫn trong lúc biện giải tại các hội nghị quốc tế, khi thì nói đến “vòng cung lịch sử” (historical circumference), khi thì nói đến các “vùng biển lân cận” (adjacent waters) tính từ các đảo/đá của Hoàng Sa và Trường Sa . Nhưng các yêu sách quá đáng và vô căn cứ này trái với quyền của các quốc gia cận duyên Đông Nam Á

(quanh Biển Đông) trong vùng lãnh hải (territorial sea) 12 hải lý và trong vùng đặc quyền kinh tế (Exclusive Economic Zone, EEZ) cũng như ở thềm lục địa (Continental Shelf, CS) tính từ đường cơ sở ra 200 hải lý. Các quyền chủ quyền về tài nguyên, tài nguyên sinh vật như cá sống trong vùng nước 200 hải lý đó, cũng như tài nguyên vô sinh như dầu khí và khoáng chất dưới đáy biển, là các quyền chuyên độc hay dành riêng (exclusive rights) của các quốc gia cận duyên, mà họ được hưởng mà không cần ra tuyên bố xác lập.(UNCLOS, các điều 56,57,76,77) Các quốc gia cận duyên có quyền xây các kiến trúc nhân tạo trên các đá, dù nhô trên mặt nước biển hay ngầm, thành các đảo nhân tạo, thi hành nghiên cứu biển, quy định việc bảo vệ môi sinh, miễn là họ tôn trọng các quốc gia khác khi họ sử dụng quyền tự do lưu thông hải hành (freedom of navigation) hay đặt các ống dẫn dầu và cáp ngầm. Các quốc gia khác đó không có quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của các quốc gia cận duyên, nếu không có sự ưng thuận minh thị của các nước cận duyên. Thực là UNCLOS dành các quyền chuyên độc cho các nước cận duyên một cách chắc chắn như “đinh đóng cột”.Đường “đường 9 đoạn” yêu sách vùng biển rộng lớn cho

Trung Quốc, là hoàn toàn trái với UNCLOS (Điều 89 của UNCLOS nói “yêu sách chủ quyền trên biển cả là vô giá trị”). Sau sự phản đối của Trung Quốc về thẩm quyền bó buộc của Tòa Trọng Tài khi vụ kiện được đệ nạp vào năm 2013 và về sự không công nhận phán quyết chung kết về các vấn đề nội dung vào tháng 7-8, 2016, được nêu ra bởi nhiều cấp bậc Chính quyền Trung Quốc, từ Chủ tịch Tập, đến ngoại trưởng, và phát ngôn nhân, thì chính ra nước Tàu đã có thái độ trầm lặng đối với bản án (vài học giả còn nói nên công nhận một vài khía cạnh của bản án) và hình như Trung Quốc không sẵn sàng thực thi các đe dọa như xây cất thêm ở Vùng Bãi cạn Scarborough hay các đá ngầm khác, hay lập Vùng Nhận Dạng Phòng không (Air Defense Identification Zone-ADIZ) tại Biển Đông. Hình như Trung Quốc thiên về thương nghị, như chính đại sứ Trung Quốc ở Mỹ nói, và thiên về đấu tranh pháp lý: không còn nói tới rút lui khỏi UNCLOS, Tòa Án Tối Cao Trung Quốc đưa ra một quyết nghị chống lại Tòa ở Hague, tức là Trung Quốc thấy cuộc chiến tốt hơn là cuộc đấu pháp lý (lawfare). Do đó, ta nên chú trọng đến các luận cứ pháp lý trong chương trình sau đây cho Việt Nam, dù ta thấy có thể phải có chiến lược khác nữa là các cường quốc có

hải quân mạnh, như Mỹ, có thể giúp củng cố cho cuộc đấu pháp luật với vài sự đe dọa võ lực khả tín nào đó, như dựa hàng không mẫu hạm tới Biển Đông, gần các mẫu đất có tranh chấp.

I I. ẢNH HƯỞNG CỦA BẢN ÁN 2016 ĐỐI VỚI VIỆC ĐỊNH NGHĨA TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ CỦA CÁC MẪU ĐẤT Ở TRƯỜNG SA VÀ CÓ THỂ CẢ Ở HÒANG SA.

Bản Án ngày 12 tháng 7, 2016 giải thích như sau về đặc tính của các mẫu đất tại Trường Sa: tất cả các mẫu đất đó thì (a) hoặc là đá (rocks) (tức là thực thể nổi trên mặt nước lúc thủy triều lên cao, nhưng không phải là đảo theo định nghĩa của UNCLOS, tức là khi ở trong trạng thái thiên nhiên nguyên thủy, nó có nước ngọt và động, thực vật cho con người có thể sống trong một nền kinh tế tự chủ), (b) hoặc là các thực thể chỉ thấy nhô lên khi thủy triều xuống hoặc là chìm khi nước lên. Đá thì có lãnh hải 12 hải lý bao quanh, nhưng các thực thể chìm hay chỉ thấy lúc nước xuống thì không có lãnh hải đó. Đó là nguyên tắc luật pháp: “đất ngự trị biển”. Chắc hẳn định nghĩa pháp lý này của Tòa Án cũng áp dụng cho các đá và đá chìm ở Hoàng Sa. Do đó chúng tôi đề nghị là Việt Nam nên khởi động một vụ kiện tại Tòa Trọng Tài, y như vụ Phi Luật Tân, để xác lập tình trạng pháp lý của các thực thể ở Hoàng Sa—mà Việt Nam

vấn tuyên nhận chủ quyền, chống sự xâm lược của Trung Quốc đã từ nhiều năm, trên đa số các thực thể đó--đều là đá, chứ không phải là đảo.

Khi Tòa tuyên bố là không thực thể nào ở Trường Sa là có thể cho con người cư ngụ được trong trạng thái thiên nhiên, thì hệ luận là không thực thể nào là đảo theo định nghĩa trong UNCLOS, mà có thể hưởng được vùng kinh tế đặc quyền (Exclusive Economic Zone, EEZ) có bề rộng 200 hải lý. Lời giải thích, tuyên nhận này của Tòa có hậu quả là bác bỏ giá trị pháp lý, thực ra không có, của luận cứ Trung Quốc vẫn đưa ra để gây tranh chấp : đòi hỏi vô căn cứ pháp lý là có một vùng Thềm Lục Địa hay Vùng Kinh Tế Đặc Quyền rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở của các mỏm đá, mà Trung Quốc tự định nghĩa là đảo.

Trong hai Hội thảo Quốc tế ở Quảng Ngãi, 2013 và Đà Nẵng, 2014, chúng tôi đã đưa ra trong các bài tham luận cái đề nghị giống như tuyên phán năm 2016 của Tòa Trọng Tài, để tiến tới một giải pháp trong đó giảm được tranh chấp do yêu sách đòi quá đáng một vùng biển rộng hơn là 12 hải lý của lãnh hải (territorial sea)

[For Paracels] We can ask the Arbitral Tribunal of the Law of the Sea to use the compulsory procedure to interpret and apply UNCLOS,(articles 186,288) and to

issue a declaratory judgment to the effect that all land features in Paracels, such as Tri Ton , or even Woody, do not satisfy the conditions for qualification as islands in accordance with article 121 of UNCLOS. Islands must, in their original state of nature, have adequate conditions for human habitation and self-sustaining economy (such as soft water, food raised or planted locally—if only coca-cola is available for drinking, as a Malaysian scholar joked, then it is not island). If not island, then a land feature can only be a reef or rock (article 121, section 3). If only a rock, it has no exclusive economic zone or continental shelf, but only the 12-mile territorial sea (article 121, section 3). If island, the land feature would then have territorial sea, contiguous zone, exclusive economic zone, and continental shelf. In front of the Arbitral Tribunal of the Law of the Sea, Vietnam can sue under the compulsory procedure to drag China into the tribunal which would interpret and apply UNCLOS (articles 286,288) and hear Vietnam's presentation of historical evidence of many centuries on the necessity of Hoang Sa flottilla to bring soft water and food on its expeditions to Hoang Sa, and then to withdraw back to the mainland for not being able to live there all year round, in

a self-sustaining economy. Therefore, at the present moment, China cannot ask for the status of island for any land feature in Paracels, despite its construction of artificial structures thereon, or for any recognition of exclusive economic zone and continental shelf emanating from any land feature in Paracels.

[Về Hoàng Sa] Việt Nam có thể xin Tòa án Trọng tài Quốc tế về Luật Biển, theo thẩm quyền bắt buộc về giải thích và áp dụng UNCLOS (điều 186,288), ra một bản án tuyên nhận (declaratory judgment) rằng tất cả các hòn như Tri Tôn hay ngay cả Phú Lâm tại Hoàng Sa, đều không hội đủ điều kiện để là đảo theo định nghĩa của Điều 121 của UNCLOS. Đảo phải là nơi mà trong trạng thái thiên nhiên nguyên thủy, có đủ điều kiện hỗ trợ cho đời sống con người và một nền kinh tế tự túc (như có nước ngọt, thực phẩm nuôi và trồng tại chỗ - nếu chỉ có cocacola thay nước như một học giả Malaysia nói đùa, thì không phải là đảo); không đủ điều kiện là đảo thì chỉ có thể là đá (reef, rock) theo khoản 3 của Điều 121. Và nếu là đá thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa ở chung quanh, mà chỉ có lãnh hải 12 hải lý (theo khoản 3, Điều 121). Còn nếu là đảo thì có các vùng nước chung quanh như lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải (Contiguous Zone), vùng đặc

quyền kinh tế và thềm lục địa giống như lục địa vậy. Trước Tòa án Trọng tài Quốc tế về Luật Biển, Việt Nam có thể theo thủ tục bắt buộc (compulsory procedure) để kéo Trung Quốc ra tòa, mà yêu cầu tòa dùng thẩm quyền giải thích và áp dụng UNCLOS (Điều 286 và Điều 288), để Việt Nam trình bày được chứng cứ lịch sử của nhiều thế kỷ về hoạt động của đội Hoàng Sa trước đây hàng năm đi ra quần đảo đều phải mang nước ngọt và thực phẩm đi theo, rồi không sống quanh năm trong một nền kinh tế tự túc được, và do đó, ngay bây giờ, Trung Quốc cũng không đòi quy chế đảo cho Hoàng Sa được, và cũng không đòi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý cho Hoàng Sa được. Và do đó, vào năm 2014, giàn khoan HD-981 đã xâm phạm vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Chính những người Trung quốc làm việc tại Hoàng Sa trong những năm gần đây cũng phải công nhận là Hoàng Sa không đủ nước ngọt do mưa cung cấp để con người có thể sống (nước giếng thì bị cúrt chim làm đục và do đó không uống được), mà cũng không có đủ rau trái mà ăn, do đó phải ăn đồ hộp mang từ đất liền ra, và sau hết không có đất trồng trọt. Do đó, mỗi tháng, phải tiếp tế đồ ăn và nước uống từ lục địa (<http://www.shtong.gov.cn/.../node839.../userobject1ai121797.html>).

(<http://baike.baidu.com/view/28617.htm>).

Mở rộng chiến thuật phản biện này sang các đá ở Trường Sa, mà minh chứng tất cả các hòn ở đó đều là đá trong trạng thái thiên nhiên trước khi xây các kiến trúc nhân tạo, thì có thể giảm thiểu nhiều sự tranh giành chủ quyền của Trung Quốc trong vùng biển Trường Sa, vì dù Trung Quốc có chiếm vài đá và đá ngầm, họ cũng không thể đòi gì rộng hơn 12 hải lý lãnh hải quanh các đá đó (đá ngầm cũng không tạo ra lãnh hải, có xây trên đó cũng không tạo thành đảo, và chỉ quốc gia cận duyên mới có quyền xây trên đá ngầm - Điều 60 UNCLOS), không thể đòi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa xuất phát từ các hòn đá; và “đường 9 đoạn” càng mất cơ sở là có hòn đất nào đó để bám vào.

III . HỆ LUẬN CỦA BẢN ÁN ĐỐI VỚI CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ CỦA VIỆT NAM Ở HAI QUẦN ĐẢO HÒANG SA VÀ TRƯỜNG SA4

Một khi đã mô tả các đặc tính vật lý của các đá, đá ngầm, hay đá nổi lên lúc thủy triều xuống và định nghĩa tình trạng pháp lý của các thực thể đất đai ở Hoàng Sa và Trường Sa, ta còn phải giải quyết vấn đề này, là quốc gia nào có chủ quyền lãnh thổ trên các thực thể đó. Vấn đề chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên các thực thể

đất đai trong hai quần đảo thì do Luật Quốc Tế Cổ Truyền hay Tục lệ quy định.

Trong hai hội thảo quốc tế trước đây, năm 2013 và 2014, chúng tôi đã bàn về vấn đề này như sau.

“Claims of sovereignty over each land feature in the Paracels and Spratleys must be based on the customary/traditional/ classical rule of international law of the last 4 centuries on acquisition of territorial sovereignty over land : a government wishing to establish a sovereignty claim over a land area has to assert, after discovery or occupation, its intention to make such claim, and to continue administering such area in peace, and if such land area is taken over by another government through the use of force, it has to protest in order to prevent the new authority to acquire sovereignty by prescription, i.e. continuous and undisputed exercise of sovereignty.

The historical facts about Vietnam's discovery and occupation of Paracels , and also an unspecified number of land features in Spratleys, dated back to centuries-old Vietnamese historical records, such as Phu Bien Tap Luc (Frontier Chronicles) of Lê Quý Đôn, while Chinese historical records did not mention Paracels or Spratleys but stopped at Hainan as the southernmost boundary of China; among these

Chinese records is the detailed Kiangsi emperor map of 1717 compiled by the French Jesuits, a copy of which, drawn by J.B. Bourguignon, was recently donated by German Chancellor Merkel to Chinese President Xi Jin-ping. The Vietnamese historical records under the emperors and under the French colonial rule show Vietnam's repeated assertions of sovereignty over and administration of both Paracels and Spratleys (which were named Hoang Sa and Truong Sa). Western travelers' and Christian missionaries' writings also confirmed them. During the existence of the two Vietnams from 1954 to 1975, the role of asserting sovereignty over Paracels and Spratleys fell on the Republic of Vietnam --RVN-- which was entrusted with the administration of Paracels and Spratleys, situated south of the partition line of 17th parallel, by the 1954 Geneva Accords, which was signed by a number of big powers, including by China, and by the Democratic Republic of Vietnam represented by Prime Minister Pham Van Dong himself. But the most resounding assertion of Vietnam's sovereignty over the Paracels was the valiant sea battle the RVN navy fought on January 19, 1974 with China's navy which was sent to occupy Hoang Sa—for a long time occupied and

administered by Vietnam-- after China's announcing sovereignty over Hoang Sa and Truong Sa on January 12 and the RVN protested on January 16 with a request for the United Nations Security Council to take action, which request was repeated on January 20, for UN Security Council to hold an emergency meeting. At the June 28, 1974 UN Conference on the Law of the Sea in Caracas, the RVN repeated its claim of sovereignty over the archipelagos and its protest against illegal occupation by China. On September 24, 1975, at talks with a Vietnamese delegation on visit to China, Vice-Premier Deng Xiaoping admitted there was dispute between China and Vietnam on the archipelagos and suggested discussion to settle the problem. Ever since the unification of the two Vietnams into one, many times the successor state of Socialist Republic of Vietnam has protested whenever there was an encroachment by China, by presenting historical evidence on the sovereignty of Vietnam over Paracels and many territories in Spratleys, in declarations or white papers, in the years of 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1984, 1988 (protesting China's declared incorporation of the archipelagos into Hainan), 1990, 1991, 1994 (protesting--- not China's territorial claim-- rather

China's signing agreement with Crestone permitting the latter to survey in Vietnam's continental shelf and exclusive economic zone), 2012 (protesting China's overall plan for management of islands). There was also action in defense of Vietnam's sovereignty in 1988 when in supplying the Vietnamese navymen standing in defense Vietnam-occupied Giac Ma in the Spratleys, Vietnam suffered 64 casualties. All these words and acts claiming and defending sovereignty make it impossible for China to erode Vietnam's sovereignty by prescription.

During the crisis of the oil rig HD-981, from May to July 2014, Vietnam brought to the area surrounding the rig many fishery inspection vessels, the maritime police or coast guard, to demand withdrawal of the oil rig, so as to preserve sovereignty and sovereign rights. Vietnamese fishermen continued to fish in the proximity, despite the harassment of the Chinese vessels, keeping a safe distance to avoid armed clash, with the purposes of earning their livelihood and asserting national sovereignty in a self-controlled manner.

This maneuver to preserve Vietnamese sovereignty by words and deeds has kept intact the claim of Vietnam over Paracels

and Spratleys and avoided its erosion.”

Sự xác lập chủ quyền đối với từng thực thể lãnh thổ trong Vùng Hoàng Sa và Trường Sa này phải dựa vào quy tắc thủ đắc chủ quyền lãnh thổ của luật quốc tế truyền thống hay thông lệ của 4 thế kỷ qua: một chính quyền của một quốc gia muốn xác lập chủ quyền trên một vùng đất đai thì phải tuyên bố ý định đó, sau khi khám phá hay chiếm hữu đất đai đó, và liên tục quản lý trong hòa bình, và nếu bị một chính quyền khác dùng võ lực chiếm mất, thì phải phản đối để không cho quyền lực mới đó thủ đắc chủ quyền bằng thời hạn tiêu diệt, nghĩa là có một thời gian mà chủ thể quyền lực mới thì hành chủ quyền liên tục mà không ai phản đối.

Các bằng chứng về các sự kiện lịch sử trong câu chuyện Việt Nam khám phá và chiếm ngụ Hoàng Sa, và một số thực thể đất đai ở Trường Sa, thì đã được ghi trong các tài liệu lịch sử Việt Nam có từ nhiều thế kỷ, như cuốn Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn. Trong khi đó thì tài liệu lịch sử Trung quốc không nói tới Hoàng Sa và Trường Sa mà dừng lại ở Đảo Hải Nam là vùng đất cực nam của Trung quốc; trong số tài liệu đó, phải kể Bản Đồ chi tiết năm 1717 đời Vua Khang Hy của Nhà Thanh, do các linh mục Dòng Tên Pháp sưu tập, mà một bản do

J.B.Bourguignon vẽ đã được Thủ Tướng Đức Merkel gần đây tặng Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Tài liệu lịch sử của Việt Nam thời các vua chúa và thời Pháp thuộc cho thấy Việt Nam liên tục xác lập chủ quyền và quản lý Hoàng Sa và Trường Sa . Các sách viết bởi các du khách Phương Tây và các nhà truyền đạo Thiên Chúa Giáo cũng xác nhận như thế.

Trong thời kỳ có hai nước Việt Nam, từ 1954 đến 1975, thì vai trò khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa rơi vào tay Việt Nam Cộng Hòa, được trao nhiệm vụ quản lý Hoàng Sa và Trường Sa, chúng ở phía nam vĩ tuyến 17, bởi Hiệp Định Geneva 1954, hiệp định này do các cường quốc trong đó có Trung Quốc, và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (do Thủ Tướng P. V. Đông đại diện) ký.

Nhưng sự khẳng định mạnh mẽ nhất về chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa là trận hải chiến can đảm mà các chiến sĩ hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã tiến hành ngày 19 tháng 1, năm 1974 chống lại hải quân Trung Quốc được gửi tới chiếm Hoàng Sa-- từ lâu do Việt Nam chiếm đóng và quản trị—trận này xảy ra sau khi Trung quốc tuyên bố chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa vào ngày 12 tháng 1 và Việt Nam Cộng Hòa phản đối ngày 16 tháng 1 với lời yêu cầu Hội Đồng Bảo An Liên

Hiệp Quốc can thiệp, lời yêu cầu được nhắc lại ngày 20 tháng 1 , mong Hội Đồng họp khẩn. Đến khi Hội Nghị Luật Biển của Liên Hiệp Quốc họp ở Caracas ngày 28 tháng 6, 1974, Việt Nam Cộng Hòa nhắc lại lời xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo và lời phản đối Trung quốc xâm chiếm bất hợp pháp. Ngày 24 tháng 9, 1975, khi một phái đoàn Việt Nam qua Trung Quốc, Phó Thủ Tướng Đặng Tiểu Bình công nhận là có tranh chấp giữa Trung Quốc và Việt Nam về hai quần đảo và khuyên hai bên thương thảo để giải quyết vấn đề.

Nhiều người nêu vấn đề Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đã có Công Hàm Phạm Văn Đồng công nhận 12 hải lý lãnh hải của Lục địa và các hải đảo mà Chu Ân Lai tuyên bố cho Trung Quốc vào năm 1958, cho nên những năm sau này, nhất là khi có vụ giàn khoan HD 981 vi phạm vùng Biển Việt Nam, có một số người nghĩ là CHXHCN Việt Nam bị há miệng mắc quai, vì Trung quốc giải thích Công hàm đó như là nhượng bộ các hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa cho Tàu rồi.

Ký giả Lê Dương - Quang Tuyền(P/v TTXVN đưa tin từ New York) đã tường trình NHƯ SAU quan điểm của chúng tôi, và Phái Bộ Việt Nam tại Liên Hợp Quốc đã đăng trên website và dùng giải thích này để phản bác Trung Quốc trong văn thư của Đại sứ Lê Hoài

Trung gửi Tổng Thư Ký LHQ Ban Kimon.

Để biện minh cho việc đặt giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng biển chủ quyền của Việt Nam, Trung Quốc đã viện dẫn công thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng năm 1958 (gọi tắt là công thư 1958) cho rằng công thư này đã nhượng Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Trao đổi với phóng viên TTXVN, Tiến sỹ Tạ Văn Tài - luật sư, cựu giảng viên và đương kim nghiên cứu viên tại Trường Luật Harvard (Mỹ) - cho rằng có hai luận cứ pháp lý quốc tế cho thấy biện dẫn của Trung Quốc là phi lý.

Công thư không đề cập đến chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa Thứ nhất, và quan trọng nhất, Hiệp định Geneva trao quyền quản lý hành chính Hoàng Sa và Trường Sa, đều ở phía Nam vĩ tuyến 17, cho Chính phủ Miền Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa - VNCH) ở phía nam vĩ tuyến đó, cho nên các hành vi xác lập và hành xử chủ quyền về Hoàng Sa và Trường Sa phải thuộc thẩm quyền của VNCH, và chính phủ này cũng như hải quân của họ đã mạnh mẽ xác nhận chủ quyền Việt Nam ở các hải đảo trong và sau biến cố hải chiến Hoàng Sa 1974. Còn cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đại diện miền Bắc Việt Nam, tức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) lúc đó, không có

thẩm quyền hay không có ý định tuyên bố gì về chủ quyền đất đai về Hoàng Sa và Trường Sa thuộc VNCH vào thời điểm đó, mà chỉ đưa ra lời tuyên bố công nhận hải phận 12 hải lý của Trung Quốc. Tuy nguyện vọng "Dân tộc Việt Nam là một, nước Việt Nam là một" là chính đáng, nhưng tình trạng hiện hữu của một quốc gia là một vấn đề sự kiện thực tại trong luật quốc tế, cho nên thực tại có hai nước Việt Nam - VNDCCH và VNCH - trong thời gian 1954-1975, là đúng với luật quốc tế và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) là quốc gia kế quyền (successor state) trong việc hành xử và bảo vệ chủ quyền đất đai đó. Sự kế quyền trong việc bảo vệ chủ quyền đất đai này cũng đã được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề cập trong bài phát biểu trước Quốc hội ngày 25/11/2011, theo đó khẳng định năm 1974, Trung Quốc đã dùng vũ lực đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa "trong sự quản lý hiện tại của chính quyền Sài Gòn, tức là chính quyền VNCH. Chính quyền VNCH đã lên tiếng phản đối việc làm này và đề nghị Liên hợp quốc (LHQ) can thiệp".

Theo Hiệp ước Montevideo 1933 thì VNCH là một thực thể có đủ 4 điều kiện của một quốc gia (state), gồm: (a) một dân số ổn định; (b) một lãnh thổ rõ rệt; (c) có một chính quyền; và (d) có khả năng

giao dịch với quốc gia khác. Còn vấn đề các nước khác nhìn nhận một quốc gia có đủ 4 điều kiện trên để lập bang giao thì là vấn đề chính trị và tiêu chuẩn chính trị thêm vào 4 tiêu chuẩn luật, và chính phủ nào không ưa một nước nào mà không nhìn nhận thì cũng không thể xóa bỏ tư cách quốc gia của nước đó. Chẳng hạn như trường hợp Cuba bị Mỹ ghét, không nhìn nhận, nhưng Mỹ cũng không thể xóa bỏ tư cách quốc gia của Cuba được. Quốc gia VNCH 1954-75 đã được mấy chục nước thừa nhận ngoại giao, thậm chí có lúc Trung Quốc đã đề nghị cả hai nước Việt Nam vào LHQ.

Tất nhiên, việc có vào LHQ được hay không (chẳng hạn bị trong 5 quốc gia thành viên thường trực của HĐBA phủ quyết), thì là chuyện chính trị, không phải là tiêu chuẩn về sự khai sinh một quốc gia. Những ai cứ viện dẫn Hiệp định Geneve nói sẽ có một nước Việt Nam sẽ được thành lập với tuyến cử thống nhất hai phần đất tạm thời chia cắt, mà coi nước VNCH như không có trong trời đất, là không hiểu luật quốc tế mấy trăm năm về tình trạng quốc gia và làm lẫn tiêu chuẩn pháp lý về tình trạng quốc gia trong luật quốc tế với những sự sắp xếp chính trị của các cường quốc trong một Hiệp định giữa vài nước mà thôi, đã cố tình quên cái thực tại chính trị là đã có mấy chục nước nhìn nhận sự khai sinh của

quốc gia VNCH, và cũng quên mất luật quốc tế theo nghĩa là một số ít nước ký Hiệp định Geneva không thể truất quyền của mấy chục nước kia đã thừa nhận VNCH. Bây giờ Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nói, và trước đây giả sử tiền nhiệm của ông là cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói một cách minh thị hơn nữa, nói có hai quốc gia Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975, thì cũng không làm giảm giá trị của sự nghiệp thống nhất đất nước vào năm 1975, vì trong lịch sử thế giới, đã có nhiều quốc gia chia ra nhiều mảnh rồi lại thống nhất, và cũng có quốc gia chia ra hai, thí dụ Pakistan chia thành hai, nửa kia thành Bangladesh, Sudan trước là một thì nay là hai quốc gia, mà các quốc gia đó vẫn có vị trí và được nhìn nhận trong cộng đồng các quốc gia.

Công thư 1958 không có hiệu lực pháp lý quốc tế

Thứ hai, một bản tuyên bố đơn phương (unilateral declaration) như công thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có hiệu lực pháp lý về mặt quốc tế. Trong luật quốc tế, không thể cố áp dụng lý thuyết "Estoppel", tức là lý thuyết trong luật pháp quốc nội của một số quốc gia có quy định là "Đã nói ra thì không nói ngược lại được", vì lý thuyết này không áp dụng trong luật quốc tế theo cùng các điều kiện như trong luật quốc

nội, vì có những điều kiện ngặt nghèo, và do đó không thể coi lời nói đơn phương có hiệu lực ràng buộc đương nhiên trong luật quốc tế.

Tòa án quốc tế trong một vụ xử giữa Đức và Đan Mạch/Hà Lan về thềm lục địa đã nói như vậy.

Ngoài ra, theo một án lệ khác, khi xét ý nghĩa của lời tuyên bố đơn phương, tòa án quốc tế phải xét một cách chặt chẽ "ý định" của người tuyên bố. Theo án lệ "Nuclear Tests Case Australia & New Zealand v. France 1974 I.C.J 253", thì "khi các quốc gia đưa ra lời tuyên bố hạn chế tự do hành động của mình, thì phải giải thích hạn hẹp". Tòa án cũng nói là: "Chỉ cần xét một vấn đề quan trọng là xem lời văn trong lời tuyên bố có biểu lộ một ý định rõ rệt không... Tòa án phải tự có quan điểm riêng về ý nghĩa và phạm vi mà tác giả lời tuyên bố đơn phương nào có thể tạo ra một nghĩa vụ pháp lý, và tòa không thể bị ảnh hưởng gì bởi quan điểm của một quốc gia khác."

Theo tiêu chuẩn trong án lệ trên mà xét, thì ý định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong công thư 1958 phải được xét trong khuôn khổ quyền hạn Thủ tướng chiếu theo Hiến pháp 1946. Theo đó Chính phủ gồm Chủ tịch nước, Phó chủ tịch và nội các (điều 44). Trong nội các đó, có Thủ Tướng (điều 44), và Chủ tịch nước mới là người thay mặt cho nước (điều 49

đoạn a) mà ký hiệp ước với nước khác (điều 49 đoạn H) ràng buộc Việt Nam về những việc quan trọng, thí dụ chủ quyền đất đai như việc nhượng đất; kèm theo quyết định chuẩn y hiệp ước bởi nghị viện là cơ quan quyền lực cao nhất, thì mới có quyền về nhượng đất (điều 22 và 23). Còn Thủ tướng không thể vượt quá quyền, theo học lý luật pháp "ultra vires" (vượt quá quyền hạn), và công thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, trong ngôn ngữ dùng, chỉ có ý định ủng hộ ngoại giao cho Trung Quốc về một điểm là 12 hải lý hải phận mà Trung Quốc đang lo lắng tuyên bố để chống sự đe dọa lúc đó của Mỹ từ hai đảo Kim Môn và Mã Tổ do quân đội Đài Loan chiếm giữ với sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ và đe dọa lớn hơn của Mỹ từ eo biển Đài Loan với Hạm đội 7. Hơn nữa, ý định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng không thể được giải thích là liên quan đến nhượng đất, vì Trung Quốc yêu sách về tất cả các đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó nhiều đảo thuộc quyền chiếm hữu của một số quốc gia Đông Nam Á, mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng không là đại diện để nói về chuyện nhượng đất. Trung Quốc cũng không thể mang lời của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra để đối kháng với các quốc gia Đông Nam Á khác được. Theo án lệ "Nuclear Tests" nói trên, Tòa án quốc tế

không cần nghe giải thích chủ quan, thủ lợi theo ý mình của Trung Quốc.

Sau khi thống nhất đất nước, CHXHCN Việt Nam, kế quyền Viện Nam Cộng Hòa về các quần đảo, đã nhiều lần phản đối sự xâm chiếm của Trung Quốc. Liên tục nhiều năm, Việt Nam đã phản đối và đưa ra các chứng cứ lịch sử về chủ quyền, trong lời tuyên bố hay các bạch thư (sách trắng) vào các năm: 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1984, 1988 (phản đối Trung Quốc tuyên bố sát nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào đảo Hải Nam), 1990, 1991, 1994 (phản đối Trung Quốc ký hợp đồng với hãng Crestone cho phép thăm dò trong thềm lục địa và vùng kinh tế đặc quyền của Việt Nam), 2012 (phản đối Trung Quốc đưa ra chương trình quản lý các đảo, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Việt Nam cũng phải đổ máu bảo vệ chủ quyền ở Gạc Ma năm 1988 khi đem đồ tiếp tế đến cho các chiến sĩ bảo vệ hòn đá đó, mà Trung Quốc tàn sát 64 chiến sĩ hải quân khi họ đang lội nước ngang lưng. Trong vụ giàn khoan HD-981 từ tháng 5/2014 đến tháng 7, Việt Nam đã đưa tàu kiểm ngư và tàu cảnh sát biển tới vùng biển nơi HD-981 đang hoạt động trái phép để bảo vệ chủ quyền và yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan. Ngư dân Việt Nam vẫn tiếp tục đánh cá

ở gần đó, mặc dù bị các tàu Trung Quốc bao vây nhưng họ vẫn giữ một khoảng cách an toàn, hầu tránh xung đột vũ trang, vừa để mưu sinh, vừa để bảo vệ chủ quyền với sự tự kiểm chế, mặc dù Trung Quốc rất hung hãn, dùng vũ lực, đâm tàu Việt Nam và dùng súng nước tấn công tàu Việt Nam. Các lời phản đối và hành động bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với vùng biển Hoàng Sa trong vụ giàn khoan HD-981 càng cho thấy chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và vùng biển chung quanh luôn được duy trì, không hề bị xói mòn.

Về các mỏm đá nổi trên mặt nước khi thủy triều ở mức cao, mà Việt Nam đã quản lý trong thời gian lâu từ các năm 1975-76 theo Luật Quốc tế Truyền Thống, trước khi có Công Ước Luật Biển 1982, dù rằng một số ở trong Thềm Lục Địa hay Vùng Đặc Quyền Kinh Tế của Phi Luật Tân, thì Việt Nam có thể xây trên các mỏm đá, vốn là vùng đất nổi trên mặt nước trong trạng thái thiên nhiên (chứ không chìm dưới mặt nước), và tình trạng pháp lý của chúng không có gì thay đổi, và do đó, Việt Nam tiếp tục có chủ quyền lãnh thổ đối với các đá này theo Luật Quốc Tế Truyền Thống—vì Phi Luật Tân, nước cận duyên gần nhất, theo UNCLOS, chỉ có quyền chủ quyền về tài nguyên (sovereign rights) trong thềm lục địa và vùng kinh tế

đặc quyền, , chứ không có chủ quyền lãnh thổ (sovereignty over land territories) ở các vùng biển đó.

Nhưng các thực thể chìm, hay chỉ nổi lên khi mức thủy triều xuống thấp, thì có tình trạng pháp lý khác: Việt Nam, và cả Trung Quốc, không thể xây cất các cấu trúc trên các thực thể đó ở trong Thềm Lục Địa 200 hải lý của Phi Luật Tân, vì các thực thể đó là một phần của đáy biển trong Thềm Lục Địa của Phi trong đó Phi có quyền chủ quyền về tài nguyên (nhưng Phi cũng không có chủ quyền lãnh thổ).

Nhưng liệu có cái biệt lệ nào cho nguyên tắc không có chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia đối với các đá chìm, mà một vài quốc gia có thể viện ra với lý do biệt lệ chủ quyền đó là quyền thủ đắc (acquired rights) trong quá khứ? Thí dụ: liệu Việt Nam có thể lý luận hay không như sau: Các thực thể ngầm mà Việt Nam đã chiếm ngụ từ các năm trước khi có UNCLOS, 1982, và quản lý liên tục và xây cất thêm cho chúng nổi trên mặt nước, mà không chìm nữa, từ các năm xa xưa đó cho đến năm có UNCLOS 1982, thì các thực thể đó có thể coi là lãnh thổ thuộc chủ quyền của Việt Nam, chiếu theo Luật Quốc tế Cổ truyền, hay không? vì UNCLOS không thể áp dụng hồi tố cho các quyền và tình trạng đã thủ đắc của Việt Nam? Các lãnh thổ nổi trên

mặt nước đó của Việt Nam, có trước 1982, phải chăng phải có lãnh hải 12 hải lý?

Vấn đề sau chót là Vùng Nhận Dạng Phòng Không ADIZ. Quốc gia nào không có chủ quyền lãnh thổ trong một vùng đất nào đó, dù là đá, thì không có quyền pháp lý lập vùng ADIZ, Air Defense Identification Zone, ở trên cái vùng đất đó, theo Luật Liên Hiệp Quốc. Đó là lập luận mà các nước Đông Nam Á hay các quốc gia khác có thể đưa ra chống lại lời yêu sách của Trung Quốc đòi quyền lập ADIZ trong vùng Trường Sa.

I V. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG HẬU QUẢ VÀ VỤ VIỆC GẦN ĐÂY

Hậu quả thực tế của Bản Án Trọng Tài có thể là Trung Quốc và các nước khác không có làm gì để thay đổi nguyên trạng, như rút lui khỏi các mẫu đất đá họ đã chiếm ngụ hay chiếm thêm các thực thể khác, và cùng lắm là củng cố những gì họ đã chiếm bằng cách củng cố các cấu trúc trên đó.

Trung quốc không còn nhắc đến chủ quyền dựa trên Đường Chữ U, và đang cần một thời gian để lấy lại thể diện, và hình như chỉ đặt hy vọng vào kế hoạch khác, là khi củng cố các thực thể đá họ đã chiếm, thì sẽ biến chúng thành đảo có 12 hải lý lãnh hải và có thể có 200 hải lý Vùng Đặc Quyền Kinh Tế. Hy vọng này cũng không có căn bản theo UNCLOS, vì phải là đảo trong trạng thái thiên nhiên nguyên thủy mới có vùng Thềm

Lục Địa và Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý. Vì thế các nước khác cũng chẳng cần làm gì quá, mà làm mất mặt dân chúng Trung Quốc mà họ đang bị lãnh đạo khích động với chủ nghĩa quốc gia quá khích. Việc khuyến cáo chuẩn bị một vụ kiện của Việt Nam để xác lập tính cách đá, không phải là đảo, của các thực thể ở Hoàng Sa và Trường Sa, là cốt giảm căng thẳng, căng thẳng bắt nguồn từ khuynh hướng Trung Quốc tham lam quá mức, trái luật quốc tế, về Thềm Lục Địa và Vùng Đặc Quyền Kinh Tế, và về các hệ luận về quyền khai thác tài nguyên cá, dầu khí, và khoáng sản cho mọi dân tộc quanh Biển Đông. Do đó, Việt Nam có thể cắt nghĩa cho cộng đồng quốc tế là Việt Nam muốn đóng góp vào hòa bình trong khu vực Biển Đông. Phải công nhận đã từ rất lâu, có lẽ từ 1988 khi chiếm Gạc Ma, Trung Quốc không chiếm thêm thực thể đá đất nào mới. Về phía các quốc gia khác có quyền lợi chống bá quyền Trung Quốc, thì trong hơn hai năm nay, 2017-2019, Hoa Kỳ đã thực hiện, cùng với một số nước đồng minh như Anh, Úc, các vụ hải hành xác nhận tự do hàng hải (Freedom of navigation operations- FONOPS) đi sát vào các mỏm đá ở Trường Sa và Hoàng Sa. Ngay cả Pháp và Nhật cũng biểu lộ quyết tâm bảo vệ an ninh và quyền tự do hàng hải tại Biển Đông và sẵn sàng can thiệp

chung khi tình thế đòi hỏi. (Theo tin Nikkei trước khi lên đường sang Tokyo ngày 26/01/2018, Bộ trưởng Florence Parly của Pháp cho rằng Pháp-Nhật cần biểu lộ quyết tâm bảo vệ an ninh và quyền tự do hàng hải tại Biển Đông và sẵn sàng can thiệp chung khi tình thế đòi hỏi. Lên án chiến lược của Trung Quốc đặt quốc tế trước « chuyện đã rồi », nữ bộ trưởng Pháp cảnh cáo : Không phải cứ cắm cờ ở nơi nào đó, thì nơi đó đổi chủ).

NHƯNG ta vẫn thấy có vài vụ Trung quốc tiếp tục củng cố các cấu trúc trên vài thực thể đá đã chiếm, mà không gặp sự phản ứng thực tế nào như bộ trưởng ngoại giao Tillerson và bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mathis đã dọa, và Trung quốc dùng đòn chiến tranh tâm lý chống Việt Nam như yêu cầu hãng dầu REPSOL của Tây Ban Nha ngưng dùng giàn khoan để khai thác lô dầu 136/03 (ngưng vào giữa năm 2017) và lô 07/03 (ngưng vào tháng 3/2018) trong Thềm Lục Địa của Việt Nam . Muốn Trung quốc nể vì, cần tránh dùng các hãng của nước nhỏ như Tây Ban Nha, mà cần bám chặt các hãng dầu của Mỹ, Ấn, Nhật, Úc, vì đằng sau các hãng dầu khí đó là có các cường quốc ngáo ộp đó, để gián chỉ –deter—Trung Quốc (Làm sao Tàu giám vượt mặt hải quân Mỹ mà phá giàn khoan có Mỹ đầu tư?).

Gần đây, trong năm 2019, một số nhân vật Hoa Kỳ đã lại lên tiếng về việc Trung Quốc xây cất trên các đá ở Biển Đông, gợi ý cho các nước đối phó bằng các biện pháp trừng phạt, không phải bằng quân sự, mà bằng ngoại giao và kinh tế, chống các cá nhân và công ty Trung Quốc làm các việc xây cất đó. Thí dụ: tướng Joseph Dunford, chủ tịch Ủy Ban Liên Quân Mỹ, trong bài nói chuyện tại Brookings Institution tháng 5, 2019, khuyến cáo các biện pháp phi quân sự đó nên được các nước cùng với Mỹ áp dụng trong một chiến dịch tập thể (collective action) chống các cá nhân và công ty đó--tuy ông công nhận người Tàu đã bớt xây cất, vì họ đã làm xong khá đủ các đường bay và nhà chứa khí giới. Thí dụ khác: các nghị sĩ Mỹ cũng đề nghị tương tự các chế tài chống các cá nhân và công ty Tàu xây cất, như tịch thu các tài khoản của họ ở Mỹ và không cấp visa vào Mỹ cho họ. Người Tàu chống báng lại bằng cách nói rằng họ xây cất là theo chủ quyền lãnh thổ của họ và yêu cầu Thượng Viện Mỹ ngưng bàn về các chế tài.

Nên nhận xét là Tàu và Mỹ hù dọa, kiêu chém gió bằng lời, nhưng cả hai phía đều sợ đụng độ quân sự trực tiếp với nhau, tuy có những động thái hải hành, thám sát với hải quân hay hải giám

1) Nước Tàu, từ sau năm 1988 chiếm Gác Ma của VN, rồi 6 đá

quanh đó của Phi, tại Trường Sa và án ngữ Scarborough Shoal của Phi, thì KHÔNG CHIẾM THÊM GÌ NỮA, và chỉ xây phi trường và nhà chứa khí giới trên những gì đã chiếm, và không nói gì đến Đường U nữa sau bản án Tòa Trọng Tài 2016 (nhiều học giả gần đây cứ nhắc lại mãi chuyện Đường U này một cách bàn luận không cần thiết, sau khi Tàu lặn lạng bỏ cuộc rồi)-- TÀU CÓ VỀ SỢ MỸ HẢI HÀNH FONOOPS / Freedom OF Navigation Operarions, NÊN 2014 KHÔNG CHIẾM SECOND THOMAS SHOAL NHƯ ĐÃ ĐOẠ, SAU ĐÓ KHÔNG XÂY GÌ Ở SCARBOROUGH, chỉ bắt nạt dân chài các nước nhỏ Đông Nam Á. Và Tổng Trưởng Quốc Phòng cổ nói giọng cương quyết tại Diễn Đàn Shangrila ngày 2 tháng 6, 2019 về an ninh Á Châu, thì hình như nhằm vào việc thuyết phục người dân trong nội bộ nước Tàu là chính, vì ông lạc đề nói để sự quyết tâm ở Tân Cương và biện minh cho vụ đàn áp đẫm máu các sinh viên ở Thiên An Môn cách nay 30 năm.

2) Về phía Mỹ, sau khi Tillerson dọa không để yên cho Tàu xây thêm tại các đảo đá, thì CŨNG ĐI NHÚNG BƯỚC CHỨNG MỤC TRONG VIỆC BẢO VỆ LỢI ÍCH TỰ DO LƯU THÔNG TRÊN BIỂN CỦA CHIẾN HẠM VÀ THƯƠNG THUYỀN CỦA MÌNH VÀ ĐỒNG MINH, CÓ TÍNH CÁCH GIÁN

TIẾP PHÒNG VỆ, MÀ KHÔNG NÓI GÌ NHIỀU TỚI CÁC ĐÁP ỨNG QUÂN SỰ CỦA HẢI QUÂN MỸ HAY NHỜ CÁC NƯỚC NHỎ Đông Nam Á (có quyền lợi trực tiếp và liều chết hơn) ĐÁNH DU KÍCH NHƯ DÙNG NGƯỜI NHÁI. Tiếp tục chính sách để ý đến Á châu từ thời Obama, MỸ, vào tháng 5, 2019 có thông báo trong Chiến Lược Quốc Phòng 2019, là tăng cho hải quân Mỹ 10 khu trục hạm, 110 máy bay, 800 hỏa tiễn, và sẽ bán 34 máy bay không người lái cho cảnh sát biển Mã Lai, Indonèxia, Phi và Việt Nam (chỉ 6 chiếc). NHƯNG MỸ CHỈ KÊU GỌI CÁC NƯỚC CÙNG CÓ HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ/ COLLECTIVE ACTION, KHÔNG PHẢI HÀNH VI QUÂN SỰ/ MILITARY ACTION, MÀ là PHI QUÂN SỰ/ NON-MILITARY ACTIONS , chống các cá nhân và công ty/corporations Tàu nào làm việc xây cất , bằng cách sai áp tài khoản của họ tại Mỹ , và không cho họ Visa vô Mỹ (lời Chủ tịch Ủy Ban Liên quân JCS , General Dunford, và dự luật ở Thượng Viện của một số nghị sĩ , trong đó Rubio). Theo Chiến Lược Quốc Phòng 2019, Mỹ muốn có đội tác partnership với 79 nước (12 tại Đông Nam Á) . Với Việt Nam, sẽ cung cấp máy bay không người lái như đã ghi, tàu tuần duyên cho cảnh sát biển , gửi bộ trưởng quốc phòng tới Việt Nam 5-7 lần, giúp

Việt Nam tổ chức hội nghị ASEAN năm 2019.

Nhưng cả hai phía Mỹ Tàu vẫn quên không nhắc tới biện pháp pháp lý chúng tôi đề ra nơi đây là phải kiện trước Toà án Luật Biển xin bản án tuyên phán là các nước không phải là nước cận duyên, như Tàu, không có quyền xây trên các đá ở Biển Đông. Có như thế mới có hy vọng nào đó trong việc ngăn chặn sự vi phạm, lấn lướt của Tàu.***

Về việc bảo vệ dân chài Việt Nam, Hội Nghề Cá cũng phản đối và yêu cầu hải giám giúp đỡ hành nghề cá. Bộ Ngoại Giao Việt Nam hôm 22/03/2018 đã tuyên bố bác bỏ lệnh cấm đánh cá trên Biển Đông mà Trung Quốc lại đơn phương ban hành, cho rằng quyết định đó vi phạm luật pháp quốc tế.

***CHÚ THÍCH THÊM NGÀY 15/7/2020:

BỘ NGOẠI GIAO MỸ, QUA THÔNG BÁO VÀ LỜI TUYÊN BỐ CỦA NGOẠI TRƯỞNG POMPEI, NGÀY 13/7/2020, VÀ QUA BÀI DIỄN VĂN NGÀY 14/7/2020 CỦA THỨ TRƯỞNG STILWELL TẠI CENTER Ồ STRATEGIC AND INTERNATIONAL STUDIES , LẦN ĐẦU TIÊN đưa ra thật rõ NHỮNG ĐIỂM TRUNG QUỐC ĐÃ VI PHẠM QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á TẠI VÙNG BIỂN CỦA BIỂN ĐÔNG, CHIẾU THEO UNCLOS, VÀ CHIẾU THEO NỘI DUNG BẢN

ÁN TOÀ TRỌNG TÀI 2016
TRONG VỤ PHI LUẬT TÂN KIẾN
TRUNG QUỐC, GIỐNG NHƯ 4
ĐIỂM NÊU TRÊN TRONG BÀI
THAM LUẬN NĂM 2019 NÀY CỦA
CHÚNG TÔI. NHƯNG BỘ NGOẠI
GIAO MỸ CHƯA NHẮC TỚI BIỆN
PHÁP PHÁP LÝ NÀO, NHƯ GIÚP
CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á
KHỞI KIẾN NƯỚC TÀI, NHƯ
CHÚNG TÔI NÓI TRÊN, NẾU
TÀI LẠI TIẾP TỤC VI PHẠM VI
PHẠM TRONG TƯƠNG LAI-- mà
chỉ nói trừng phạt các viên chức
và doanh nghiệp liên quan đến
các hành động phi pháp. MỸ
CŨNG VẪN TRÁNH CỤ THỂ
BÊN NƯỚC NÀO VỀ CHỦ
QUYỀN LÃNH THỔ TRÊN CÁC
THỰC THỂ NỘI Ở VÙNG
HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, VÌ
MUỐN TRÁNH LIÊN LUY VÀO
CÁC CUỘC CÃI VÃ NƯỚC NÀO
CHIẾM NGỤ HOÀ BÌNH THỰC
THỂ NÀO, VÀ QUẢN LÝ HOÀ
BÌNH BAO NĂM RỒI,
THEO LUẬT QUỐC TẾ TRUYỀN
THỐNG.

BIỆN PHÁP BỘ TỤC: CODE OF
CONDUCT

CODE OF CONDUCT (BỘ LUẬT
ỨNG XỬ--COC), là dự thảo hiệp
ước về các quy tắc hành xử trong
Biển Nam Hải, sẽ có tính ràng
buộc pháp lý, một khi hai bên,
Trung Quốc và, bên kia là tập thể
các nước hội viên Association Of
Southeast Asian States (ASEAN),

thương nghị xong (thương nghị
trong thời gian quá dài rồi, có lẽ vì
Trung Quốc cố kéo dài), rồi ký kết
mà ban hành. Nó căn cứ nhiều
trên 1 văn kiện chỉ có tính cách
khuyến cáo nhiệm ý năm 2012,
mà nó dựa vào nhiều trong nội
dung, đó là Declaration of Conduct
(Tuyên Bố Ứng Xử). Bộ Luật Ứng
Xử COC có ghi rõ là nó tôn trọng
luật quốc tế (cổ truyền, và Công
Ước UNCLOS), 5 nguyên tắc sống
chung hoà bình, và Hiệp Ước
Thân Hữu Đông Nam Á (Treaty of
Amity of Southeast Asia), và nó
không trái với các quyền lợi của
các nước khác, kể cả các cường
quốc ngoài vùng như Mỹ, Nhật,
Úc, Ấn, Anh, Pháp. Vậy thì thật ra
nó không quan trọng lắm, vì không
có nó thì các quốc gia cũng phải
tôn trọng hai khung luật quốc tế
vừa nói và các nguyên tắc hoà
bình, thân hữu --tuy phải nhận là
có COC với hiệu lực cưỡng hành
về những cách hành xử thực tế
trên biển, kể cả việc bảo vệ và
chia sẻ công bình về tài nguyên
cá, với các chi tiết về biển Nam
Hải thêm vào Công Ước Luật
Biển, thì vẫn tốt hơn. Hơn nữa,
COC chỉ chi phối một mảng hạn
chế về luật: nó ghi rõ là không áp
dụng vào việc giải quyết chủ
quyền lãnh thổ hay việc phân định
biên giới biển, mà chỉ đưa ra một
bộ luật các nguyên tắc thực tế về
cộng tác hàng hải để có an ninh,
an toàn trên biển, tránh các sự cố

bất ngờ trong khi thực hành quyền tự do lưu thông trên biển.

Các quốc gia có quyền gợi ý về việc thêm các quy tắc cho COC. Trung Quốc nham hiểm đề nghị là việc cộng tác liên quốc về khai thác dầu khí ở Nam Hải chỉ dành cho Tàu và các nước ASEAN cận duyên, không cho nước ngoài khu vực tham dự (đề nghị này trái với quyền chuyên độc về tài nguyên về dầu khí và về cá của các nước cận duyên, UNCLOS, điều 56,57,76,77, theo đó họ muốn ký kết với nước nào có kỹ thuật khai thác tốt là quyền của họ), không cho các nước ngoài khu vực tham gia tập trận chung, trừ khi báo trước cho Tàu mà Tàu không phản đối (Điều này trái chủ quyền của mỗi nước, nhất là trong liên hệ với nước khác có thể củng cố an ninh quốc gia cho mình). Việt Nam ghi thêm: COC phải áp dụng cho các hòn đá đang có tranh chấp và các vùng biển của các bên có trùng lấp, Nam Hải chỉ dùng cho hòa bình, không nước nào dùng vũ lực hay đe dọa vũ lực, hay đối xử độc ác với công dân nước khác khi thi hành pháp luật trên biển, không ngăn chặn tàu tiếp tế hay mang nhân viên luân phiên ra biển, và không được quân sự hoá bằng cách đem khí giới lên các cấu trúc ở biển, không xây đảo nhân tạo, và không tuyên bố khu nhận dạng phòng không.

Xxxxxxxxxxxxxx

Xxxxxxxxxxxxxx

BÀN THÊM VỀ CHỦ QUYỀN TRÊN ĐÁ VÀ VÙNG BIỂN EEZ VÀ CS,

NHÂN DIỆN DÂN XNDS HỎI:

Trung quốc dùng vũ lực chiếm đá Gạc Ma của VN và 6 đá Xu Bi, Ga Ven, Chũ Thập(Fiery Cross), Châu Viên (Cuarteron), Vành Khan(Mischief), Tư Nghĩa(Hughes) của Phi Luật Tân, thì không tạo ra chủ quyền lãnh thổ (territorial sovereignty) theo Luật Tục Quốc Tế (Customary International Law, đã mấy trăm năm-- không phải do Công Ước Luật Biển 1982 quy định), MIỄN LÀ VN và PHI PHẢI LIÊN TỤC PHẢN ĐỐI BẰNG VĂN BẢN, CHỨ IM LẶNG LÂU QUÁ THÌ CHỦ QUYỀN COI NHƯ BỊ THỜI TIỂU (PRESCRIPTION), ĐÓ LÀ QUY TẮC LUẬT QUỐC TẾ.

Thiết nghĩ VN đã làm tốt về mặt luật Quốc tế, vì thỉnh thoảng đã lên tiếng phản đối mỗi khi Tàu làm gì đó như lập đơn vị hành chánh Huyện TSHS, hay xây thêm gì đó. Nhưng lời phản đối, muốn được quốc tế, nhất là các nước Đ Nam Á có đá (reefs) ở Trường Sa, ủng hộ, thì không nên nhận vợ [tất cả] "HS, TS của VN", như quần chúng nêu trong biểu ngữ trên dùnong, mà phải nói " HS Của VN và NHỮNG ĐÁ CỦA VN TẠI TRƯỜNG SA" .

Anh Việt đã nói điếm là đá nổi chỉ có 12 miles lãnh hải (maritime zone, cột nước) chung quanh mà

thôi , không có vùng đặc quyền kinh tế 200 miles hay thềm lục địa, 200 miles.
VẬY GIẢ THỬ TẠM COI , ĐỀ LÝ LUẬN MÀ THÔI, LÀ (nói theo ngôn ngữ Luật , "SUPPOSE ARGUENDO") Tàu là chủ nhân 7 đá nổi trên THÌ các vùng biển EEZ và CÁC THỀM LỤC ĐỊA 200 hải lý (hay 350 nếu tính theo đơn xin NỐI rộng VN và Mã đã nạp UN năm 2009) TÍNH TỪ CÁC LỤC ĐỊA VN, PHI, BORNEO, MÃ LAI CŨNG CHẴNG BAO GIỜ THUỘC QUYỀN ÔNG TÀU -- vì Lục địa HẢI Nam của Tàu, cách Trường Sa 600 Miles gì đó, không thể tạo ra cho Tàu EEZ hay Thềm Lục Địa nào ở vùng Trường Sa.
Sent from my iPad

KẾT LUẬN 100%: Bãi Tư Chính thuộc VN.
CÓ VÀI VỤ TRANH CHẤP QUỐC TẾ , như vụ tại vịnh Bengal, thì người ta cũng giải thích như tôi vừa nói -- nghĩa là có thực trạng trên thực địa rất buồn cười, nước A làm chủ đất đai chễm trệ trong thềm lục địa nước B, A làm chủ đá, đất vì đó quyền thủ đắc, droit acquis, lâu đời theo Customary International Law, còn B là có quyền chủ quyền (sovereign rights) trên Thềm Lục Địa là theo UNCLOS.

Tạ Văn Tài.